

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN XXXI

### Phẩm 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG 5

Bồ-tát Sư Tử Hồng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như trong kinh nói, nếu tu “quán” thì có thể phá phiền não, vậy thì sao lại tu “chỉ”?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông nói tu quán mà phá phiền não thì nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì lúc có trí tuệ thì không có phiền não, lúc có phiền não thì không có trí tuệ, vậy vì sao nói tu quán có thể phá phiền não! Này thiện nam! Ví như lúc sáng thì không có tối, lúc tối thì không có sáng. Nếu nói sáng có thể phá tối thì đó là điều không có. Này thiện nam! Ai có trí tuệ, ai có phiền não mà nói trí tuệ có thể phá phiền não? Như phiền não là không thì không có chỗ phá. Này thiện nam! Nếu nói trí tuệ có thể phá phiền não thì có phải vì đến mà phá hay vì không đến mà phá? Nếu chẳng đến mà phá thì lẽ ra phàm phu chúng sinh cũng phá được. Nếu đến mà phá thì niệm ban đầu đã nên phá, nếu niệm ban đầu chẳng phá thì niệm sau cũng không phá. Nếu niệm ban đầu đến liền phá thì đó là chẳng đến, vậy vì sao nói rằng trí tuệ có thể phá? Nếu cho rằng đến cùng không đến có thể phá thì nghĩa đó không đúng. Lại nữa tu quán mà phá phiền não thì một mình có thể phá hay là có bạn mới phá được? Nếu một mình có thể phá thì Bồ-tát cần gì phải tu tập tám Thánh đạo? Nếu có bạn mới phá được thì nên biết một mình không thể phá được. Nếu một mình chẳng có thể phá thì có bạn cũng không thể phá. Như một người mù không thể thấy sắc thì tuy dẫn theo nhiều bạn mù cũng không thể thấy được. Tu quán cũng như vậy. Này thiện nam! Như

đất có tánh cứng, lửa có tánh nóng, nước có tánh ướt, gió có tánh động. Tánh cứng của đất cho đến tánh động của gió, chẳng phải do nhân duyên tạo tác, tánh của nó tự như vậy, như tánh của bốn đại, tánh của phiền não cũng như vậy, tánh của nó là tự đoạn mất, nếu đã đoạn mất thì sao lại nói trí tuệ có thể đoạn? Do nghĩa đó, nên tu quán nhất định không thể phá các phiền não. Nay thiện nam! Như tính của muối là mặn làm cho vật khác mặn, tính của mật vốn là ngọt làm cho vật khác ngọt, tánh của nước là ướt làm cho vật khác ướt, tánh của trí tuệ là tịch diệt khiến cho pháp tịch diệt, nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì nếu pháp không diệt, thì vì sao sức mạnh của trí tuệ có thể khiến pháp diệt. Nếu cho rằng muối mặn khiến cho vật khác mặn thì trí tuệ diệt cũng như vậy, có thể làm cho pháp khác diệt, lời ấy cũng không đúng. Vì sao? Vì tánh của trí tuệ niệm niệm diệt, nếu niệm niệm diệt thì vì sao nói có thể làm cho các pháp diệt. Do nghĩa ấy, nên tánh của trí tuệ chẳng phá phiền não. Nay thiện nam! Tất cả các pháp có hai loại diệt: Một là tánh diệt, hai là rốt ráo diệt. Đã là tánh diệt cơ sao nói trí tuệ có thể diệt? Nếu nói trí tuệ có thể đốt cháy phiền não như lửa đốt cháy đồ vật thì nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì lửa đốt cháy đồ vật thì có tro tàn, trí tuệ nếu như vậy thì phải có tàn dư, như búa chặt cây, chỗ chặt có thể thấy được, trí tuệ nếu như vậy thì có gì để có thể thấy được? Trí tuệ nếu có thể khiến cho phiền não xa lìa lẽ ra phiền não đó nên hiện ra chỗ khác. Như các ngoại đạo rời khỏi sáu thành lớn đến ở thành Câu-thi-na. Nếu phiền não đó chẳng hiện ra ở chỗ khác thì trí tuệ không thể khiến cho nó xa lìa. Nay thiện nam! Nếu tánh của tất cả các pháp vốn là không thì ai có thể làm cho nó sinh? Ai có thể làm cho nó diệt? Sinh khác, diệt khác, không có người tạo tác. Nay thiện nam! Nếu người tu tập thiền định thì được thấy biết chân chánh như vậy. Do nghĩa đó, nên trong kinh Ta nói: Nếu có Tỳ-kheo tu tập chánh định thì có thể thấy tướng sinh diệt của năm ấm. Nay thiện nam! Nếu người không tu tập chánh định thì việc của thế gian còn chưa thể rõ hướng chi là đối với việc xuất thế gian. Nếu người không có chánh định thì té ngã nơi đất bằng, tâm duyên theo pháp khác, miệng nói lời khác, tai nghe tiếng khác, tâm hiểu nghĩa khác, muốn

tạo chữ khác, tay viết chữ khác, muốn đi đường khác, thân bước nẻo khác. Nếu có tu tập Tam-muội chánh định thì được lợi ích lớn cho đến chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát đầy đủ hai pháp thì được lợi ích lớn. Một là định, hai là tuệ. Này thiện nam! Như cắt cỏ may nếu vôi quá thì bị đứt. Đại Bồ-tát tu hai pháp đó cũng như vậy. Này thiện nam! Như nhổ cây cứng, trước phải dùng tay lay động thì sau dễ nhổ lên. Bồ-tát tu tập định, tuệ cũng như vậy, trước dùng định để lay động, sau dùng trí để nhổ. Này thiện nam! Như giặt áo bẩn, trước phải dùng nước tro, sau dùng nước thì mới sạch. Định, tuệ của Bồ-tát cũng như vậy. Này thiện nam! Như trước đọc tụng thì sau mới hiểu nghĩa. Định, tuệ của Bồ-tát cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như người chiến sĩ, trước phải mặc áo giáp, trang bị những thứ vũ khí tên, gậy v.v... sau đó mới có thể ra chiến trường đánh giặc, Định, tuệ của Bồ-tát cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như người thợ dùng kềm búa đập thổi kim loại, tự tại theo ý muốn khuấy trộn, nấu chảy, Định, tuệ của Bồ-tát cũng như vậy. Thiện nam! Ví như gương sáng phản chiếu rõ cảnh vật. Định, tuệ của Bồ-tát cũng như vậy. Này thiện nam! Như trước làm cho đất bằng rồi sau mới gieo giống, trước theo thầy học rồi sau mới suy nghĩ nghĩa lý, Định, tuệ của Bồ-tát cũng như vậy. Do nghĩa ấy, nên Đại Bồ-tát tu tập hai pháp này có thể được lợi ích lớn. Thiện nam! Đại Bồ-tát tu hai pháp này, điều phục được năm căn, kham chịu các sự khổ: đói, khát, lạnh, nóng, đánh đập, mắng chửi, thú dữ cắn, muỗi mòng chích đốt, vẫn thường thâu giữ tâm mình không để cho buông lung, không vì lợi dưỡng mà làm các việc phi pháp, không bị khách trần phiền não làm nhiễm ô, chẳng bị các tà thuyết của ngoại đạo làm cho mê hoặc, luôn xa lìa những giác quán ác, không bao lâu sẽ thành tựu được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhằm thành tựu lợi ích cho tất cả chúng sinh. Thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập hai pháp này, bốn ngọn gió mạnh điên đảo không thể thổi động. Như núi Tu-di, tuy bị gió thổi chẳng có thể làm cho lay động, không bị tà sư ngoại đạo dẹp trừ. Như cờ Đế Thích không thể di chuyển, phép thuật của bọn tà không thể làm mê hoặc, thường thọ hưởng sự an lạc vi diệu đệ nhất, có thể

hiểu được nghĩa bí mật sâu xa của Như Lai, được vui không mừng, gặp khổ không lo, chư Thiên và người đời cung kính tán thán, thấy rõ sinh tử và chẳng phải sinh tử, có thể rõ biết hoàn toàn pháp giới, pháp tánh, thân có pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Đó gọi là cái vui Đại Niết-bàn. Nay thiện nam! Tướng của Định là Tam-muội Không, tướng của Tuệ là Tam-muội Vô nguyện, tướng của Xả là Tam-muội Vô tướng. Nay thiện nam! Nếu có Đại Bồ-tát khéo biết lúc Định, lúc Tuệ, lúc Xả và biết chẳng phải lúc, thì đó gọi là Đại Bồ-tát thực hành đạo Bồ-đề.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bach Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát biết đúng lúc và chẳng phải lúc?

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát vì hưởng thọ sự vui mà sinh kiêu mạn, hoặc vì thuyết pháp mà sinh kiêu mạn, hoặc vì hiểu nghĩa, khéo hỏi đáp mà sinh kiêu mạn, hoặc vì gần gũi bạn ác mà sinh kiêu mạn, hoặc vì bố thí vật quý giá mà sinh kiêu mạn, hoặc vì công đức pháp thiện ở thế gian mà sinh kiêu mạn, hoặc vì được người giàu sang ở thế gian cung kính mà sinh kiêu mạn, thì nên biết những lúc như vậy không nên tu Trí (Tuệ) mà cần phải tu Định. Đó là Bồ-tát biết đúng lúc và chẳng phải lúc. Nếu có Bồ-tát siêng tu tinh tấn chưa được lợi ích an lạc Niết-bàn, vì không được nên sinh tâm hối hận, vì độn căn nên không thể điều phục năm tình và các căn, vì thế lực các phiền não cấu uế mạnh mẽ, vì tự nghi giới luật có sự kém tổn thì nên biết những lúc như vậy không nên tu định phải nên tu Trí (tuệ), đó gọi là Bồ-tát biết đúng lúc và chẳng phải lúc.

Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát mà hai pháp Định, Tuệ chẳng bình đẳng thì nên biết lúc như vậy không nên tu Xả, nếu hai pháp Định, Tuệ bình đẳng mới nên tu Xả, đó gọi là Bồ-tát biết đúng lúc và chẳng phải lúc. Thiện nam! Nếu có Bồ-tát lúc tu tập Định, Tuệ mà có phiền não sinh khởi thì nên biết những lúc như vậy không nên tu Xả mà phải nên đọc tụng, biên chép, giải thuyết Mười hai bộ loại kinh văn. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thiên, niệm xả, đó gọi là tu xả. Thiện nam! Nếu có Bồ-tát tu tập ba pháp

tướng như vậy thì nhờ nhân duyên này nên được Niết-bàn vô tướng.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có mười tướng nên gọi Đại Niết-bàn là vô tướng. Lại do nhân duyên gì gọi là vô sinh, vô xuất, vô tác, nhà cửa, đất liền, chỗ trở về, nơi an ổn, diệt độ, Niết-bàn, tịch tĩnh, không có các bệnh khổ, không sở hữu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì không nhân duyên nên gọi là vô sinh, vì vô vi nên gọi là vô xuất, vì không tạo nghiệp nên gọi là vô tác, vì không vào năm thứ tà kiến nên gọi là nhà cửa, vì lìa bốn dòng nước mạnh nên gọi là đất liền, vì điều phục chúng sinh nên gọi là chỗ quay về nương tựa, vì phá hoại giặc phiền não nên gọi là an ổn, vì dập tắt các lửa phiền não nên gọi là diệt độ, vì lìa xa giác quán nên gọi là Niết-bàn, vì xa lìa chỗ ồn náo nên gọi là tịch tĩnh, vì dứt hẳn sinh tử nên gọi là không bệnh, vì tất cả không nên gọi là không sở hữu. Thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát khi quán sát được như vậy thì được thấy rõ Phật tánh.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thành tựu bao nhiêu pháp mới có thể thấy được Niết-bàn vô tướng như vậy cho đến không sở hữu?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát thành tựu mười pháp thì có thể thấy rõ Niết-bàn vô tướng cho đến không sở hữu. Những gì là mười pháp? Một là đầy đủ lòng tin. Thế nào gọi là đầy đủ lòng tin? Nghĩa là tin sâu sắc Phật, Pháp, Tăng là thường, chư Phật ở mười phương hiện thị hiện, tất cả chúng sinh và hàng Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh, chẳng tin Đức Như Lai có sinh, già, bệnh, chết và tu khổ hạnh, Đê-bà-đạt-đa thật phá Tăng, làm thân Phật ra máu, Như Lai hoàn toàn nhập Niết-bàn, chánh pháp diệt hết. Đó gọi là Bồ-tát đầy đủ lòng tin. Hai là đầy đủ giới thanh tịnh. Thế nào gọi là đầy đủ giới thanh tịnh? Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát tự nói rằng giới thanh tịnh, tuy không cùng với người nữ kia giao hợp nhưng khi thấy người nữ, hoặc cùng nhau bỡn cợt, nói chuyện, cười giỡn thì Bồ-tát như vậy

là thành tựu pháp dục, phá hủy giới thanh tịnh, ô nhục phạm hạnh, làm cho giới bị nhiễm ô, không được gọi là đầy đủ giới thanh tịnh. Lại có Bồ-tát tự nói giới thanh tịnh, tuy chẳng cùng với thân của người nữ giao hợp, bõn cột, cười giỡn, nhưng ở ngoài cách vách xa nghe những tiếng chuỗi ngọc, vòng xuyên của người nữ sinh lòng ái nhiễm thì Bồ-tát như vậy là thành tựu pháp dục, phá hủy giới thanh tịnh, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới bị nhiễm ô, không được gọi là đầy đủ giới thanh tịnh. Lại có Bồ-tát tự nói giữ giới thanh tịnh, tuy chẳng cùng người nữ giao hợp, nói chuyện, đùa giỡn, nhưng nghe tiếng của họ, hoặc lúc thấy người nam đi theo người nữ, hoặc thấy người nữ đi theo người nam liền sinh tâm tham đắm thì Bồ-tát như vậy là thành tựu pháp dục, phá hủy giới thanh tịnh, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới ế tạp, không được gọi là đầy đủ giới thanh tịnh. Lại có Bồ-tát tự nói giữ giới thanh tịnh, tuy không cùng người nữ giao hợp, nói chuyện, đùa giỡn, nghe tiếng của họ, thấy người nam và người nữ theo nhau mà không đắm nhiễm nhưng muốn sinh lên cõi trời thọ hưởng năm thứ dục lạc thì Bồ-tát như vậy là thành tựu pháp dục, phá hủy giới thanh tịnh, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới ế tạp, không được gọi là đầy đủ giới thanh tịnh. Nay thiện nam! Nếu có Bồ-tát trì giới thanh tịnh mà chẳng vì Giới Ba-la-mật, chẳng vì chúng sinh, chẳng vì lợi dưỡng, chẳng vì Bồ-đề, chẳng vì Niết-bàn, chẳng vì hàng Thanh văn, Phật-bích-chi, chỉ vì đệ nhất nghĩa tối thượng mà giữ gìn giới cấm thì Thiện nam đó gọi là Bồ-tát đầy đủ giới thanh tịnh. Ba là gần gũi các vị thiện tri thức. Nếu người nào có thể thuyết giảng về tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ khiến cho người thọ trì thực hành thì đó gọi là thiện tri thức của Bồ-tát. Bốn là ưa thích ở nơi tịch tĩnh. Thân tâm tịch tĩnh, quán sát pháp giới sâu xa của các pháp, đó là tịch tĩnh. Năm là tinh tấn. Tinh tấn nghĩa là nhiếp tâm quán bốn Chân đế, dầu cho lửa cháy trên đầu cũng không buông bỏ. Đó gọi là tinh tấn. Sáu là đầy đủ chánh niệm. Niệm đầy đủ nghĩa là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thiên, niệm Xả. Đó gọi là đầy đủ niệm. Bảy là lời nói hòa nhã. Lời nói hòa nhã là lời nói chân thật, lời nói dịu dàng, hỏi thăm trước, nói đúng lúc, lời nói chân chánh. Đó là lời nói hòa nhã. Tám là hộ trì

chánh pháp. Hộ trì chánh pháp nghĩa là mền mộ chánh pháp, thường ưa diễn nói đọc tụng, biên chép, suy nghĩ ý nghĩa, tuyên dương rộng khắp làm cho chánh pháp được lưu truyền. Nếu thấy có người biên chép, giảng nói, đọc tụng, tán thán, tư duy ý nghĩa mà có nhu cầu về vật dụng thì cúng dường như y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang; vì hộ trì chánh pháp nên không tiếc thân mạng. Đó gọi là hộ trì chánh pháp. Chín là Đại Bồ-tát thấy có bạn đồng học, đồng giới thiếu thốn đồ cần dùng như y phục, thức ăn, ngọa cụ, phòng nhà, thì mang y, cầm bát xin khất từ người khác mà cung cấp cho họ. Mười là đầy đủ trí tuệ. Trí tuệ nghĩa là quán sát thường, lạc, ngã, tịnh nơi đức Như Lai, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, quán sát hai tướng của pháp là không và bất không, thường và vô thường, lạc và vô lạc, ngã và vô ngã, tịnh và bất tịnh, pháp khác có thể đoạn dứt, pháp khác không thể đoạn dứt, pháp khác từ duyên sinh, pháp khác từ duyên thấy, pháp khác từ duyên thành quả, pháp khác chẳng phải do duyên thành quả. Đó gọi là đầy đủ trí tuệ. Nay thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát đầy đủ mười pháp. Có thể thấy rõ Niết-bàn vô tướng.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như trước kia Phật bảo Thuần-đà: Nay ông đã thấy được Phật tánh, được Đại Niết-bàn, thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩa đó là thế nào? Bạch Thế Tôn! Như trong kinh nói, nếu bố thí cho súc sinh thì được phước báo gấp trăm lần, bố thí cho hàng Nhất-xiển-đề được phước báo gấp ngàn lần, bố thí cho người trì giới được phước báo gấp trăm ngàn lần, bố thí cho ngoại đạo dứt trừ phiền não được phước báo vô lượng; dâng cúng cho bậc Tứ hướng, Tứ quả cho đến Phật-bích-chi được phước báo vô lượng; dâng cúng cho Bồ-tát bất thoái, các Đại Bồ-tát thọ thân cuối cùng, Như Lai Thế Tôn thì sẽ được phước báo vô lượng vô biên không thể tính kể, không thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn! Đại sĩ Thuần-đà nếu thọ hưởng vô lượng phước báo như vậy thì phước báo ấy vô tận, vậy đến lúc nào sẽ chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại nói, nếu có người cố tâm tạo nghiệp thiện, nghiệp ác thì chắc chắn thọ quả báo, hoặc thọ trong đời hiện tại, hoặc thọ vào đời kế tiếp, hoặc thọ vào đời

sau. Thuần-đà tạo tâm sâu dày về nghiệp thiện, nên biết nghiệp này nhất định thọ hưởng phước báo, nếu nhất định thọ phước báo thì làm thế nào chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Làm thế nào thấy được Phật tánh? Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại nói, bố thí cho ba hạng người được quả báo vô tận: một là người bệnh, hai là cha mẹ, ba là Như Lai. Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại nói, Phật bảo A-nan: Tất cả chúng sinh nếu không có nghiệp cõi Dục thì được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có nghiệp cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy. Và, bạch Thế Tôn! Như bài kệ trong kinh Pháp Cú:

*Chẳng phải trong không, trong biển cả  
Cũng chẳng phải vào trong hang núi  
Không có bất cứ địa phương nào  
Mà có thể thoát khỏi nghiệp báo.*

A-ni-lâu-đà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nhớ thuở xưa, nhờ bố thí một bữa ăn mà trong tám vạn kiếp không bị rơi vào ba đường ác. Bạch Thế Tôn! Bố thí một bữa ăn còn được phước báo như vậy, huống nữa là Thuần-đà do tâm tin kính mà cúng dường Phật, thành tựu đầy đủ Bố thí Ba-la-mật! Bạch Thế Tôn! Nếu phước báo lành là vô tận thì tội hủy báng kinh Đại thừa, phạm năm tội nghịch, phá bốn giới trọng, tội Nhất-xiển-đề làm thế nào hết được? Nếu không thể hết thì làm thế nào có thể thấy được Phật tánh, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Nay thiện nam! Chỉ có hai hạng người có thể được vô lượng vô biên công đức, không thể tính kể, không thể tuyên thuyết, có thể làm khô cạn dòng sông sinh tử nổi trôi, hàng phục ma oán, bẻ gãy cờ chiến thắng của ma, có thể chuyển pháp luân vô thượng của Như Lai: Một là người khéo hỏi, hai là người khéo đáp. Nay thiện nam! Trong mười lực của Phật thì nghiệp lực là sâu hơn cả. Nay thiện nam! Có những chúng sinh đối với nghiệp duyên, tâm khinh để chẳng tin, vì để độ cho họ nên Ta nói như vậy.



Này thiện nam! Tất cả nghiệp tạo ra có nghiệp nhẹ, có nghiệp nặng. Hai nghiệp nhẹ nặng lại có hai: một là quyết định, hai là không quyết định. Thiện nam! Hoặc có người cho rằng tạo nghiệp ác không có quả báo. Nếu nói nghiệp ác nhất định có quả báo thì tại sao Khí-hư Chiên-đà-la được sinh lên cõi trời? Ương-quật-ma-la được quả giải thoát? Do nghĩa này nên biết tạo nghiệp thì nhất định có quả báo và chẳng nhất định có quả báo. Ta vì đoạn trừ tà kiến này cho nên trong kinh Ta nói rằng tất cả sự tạo nghiệp đều có quả báo. Thiện nam! Hoặc có nghiệp nặng có thể làm cho nhẹ, hoặc có nghiệp nhẹ có thể làm cho nặng. Chẳng phải tất cả mọi người chỉ có ngu hoặc trí. Do đó nên biết chẳng phải tất cả nghiệp đều quyết định có quả báo, dầu chẳng quyết định có quả báo nhưng cũng chẳng phải là không có.

Này thiện nam! Tất cả chúng sinh có hai hạng: một là người trí, hai là kẻ ngu. Người có trí dùng sức trí tuệ có thể làm cho nghiệp rất nặng ở địa ngục trở thành quả báo nhẹ trong đời hiện tại. Kẻ ngu si thì làm cho nghiệp nhẹ ở đời hiện tại trở thành quả báo nặng ở nơi địa ngục.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì chẳng nên cầu phạm hạnh thanh tịnh và quả giải thoát!

Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả báo thì không nên cầu phạm hạnh giải thoát, nhưng vì nghiệp không quyết định nên tu phạm hạnh và cầu quả giải thoát. Thiện nam! Nếu có thể xa lìa tất cả nghiệp ác thì được quả lành. Nếu xa lìa nghiệp thiện thì bị quả báo ác. Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả báo, thì chẳng nên cầu tu tập Thánh đạo. Nếu không tu đạo thì không được giải thoát. Tất cả Thánh nhân sở dĩ tu đạo là để phá định nghiệp, được quả báo nhẹ, còn nghiệp bất định không có quả báo. Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả báo thì không cần tu tập Thánh đạo. Nếu có người xa lìa sự tu tập Thánh đạo mà được giải thoát thì không có lẽ ấy, không được giải thoát mà được Niết-bàn thì cũng không có lẽ

ấy. Thiện nam! Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả báo, thì một đời tạo nghiệp thuần thiện lẽ ra phải mãi mãi thường hưởng thọ sự an vui, một đời gây tạo tội ác rất nặng lẽ ra cũng mãi mãi chịu khổ não lớn. Nếu nghiệp quả như vậy thì không có sự tu đạo giải thoát và Niết-bàn. Người làm người thọ, Bà-la-môn làm Bà-la-môn thọ. Nếu như vậy thì lẽ ra không có dòng họ hạ tiện, người hạ tiện. Người lẽ ra luôn là người, Bà-la-môn lẽ ra mãi mãi là Bà-la-môn. Lúc nhỏ tạo nghiệp thì lẽ ra lúc nhỏ thọ quả báo, không nên đến lúc trung niên và lúc già mới thọ. Lúc già tạo nghiệp ác sinh vào trong địa ngục vì thân mới vào địa ngục lẽ ra không bị chịu khổ mà phải đợi đến lúc già sau đó mới thọ nhận. Nếu lúc già chẳng sát sinh không lẽ thời tráng niên được sống lâu! Nếu lúc tráng niên chẳng sống lâu thì làm sao có tuổi già! Vì nghiệp không mất. Nếu nghiệp không mất tại sao có sự tu tập Thánh đạo và Niết-bàn.

Này thiện nam! Nghiệp có hai thứ: Định nghiệp và bất định nghiệp. Định nghiệp có hai: một là báo định, hai là thời định. Hoặc có quả báo định mà thời gian bất định, lúc duyên hợp thì thọ báo, hoặc ba thời thọ báo, nghĩa là thọ đời hiện tại, thọ đời tiếp theo, thọ ở đời sau. Này thiện nam! Nếu định tâm làm những nghiệp thiện, nghiệp ác, làm rồi sinh lòng tin sâu xa, vui mừng, và nếu phát nguyện cúng dường Tam bảo thì đây gọi là nghiệp định. Này thiện nam! Người trí căn lành sâu chắc khó lay động, nên có thể khiến cho nghiệp nặng thành nhẹ. Người ngu si nghiệp ác sâu dày, có thể làm cho nghiệp nhẹ trở thành quả báo nặng. Do nghĩa này, tất cả các nghiệp không gọi là quyết định. Đại Bồ-tát không có nghiệp địa ngục, vì chúng sinh nên phát đại nguyện sinh vào trong địa ngục. Thiện nam! Thuở xưa lúc chúng sinh tuổi thọ trăm năm, có hằng sa chúng sinh bị quả báo địa ngục. Ta thấy như vậy rồi liền phát nguyện lớn thọ thân địa ngục. Bồ-tát lúc đó thật không có nghiệp địa ngục, vì chúng sinh nên thọ quả báo địa ngục. Lúc ấy, Ta ở trong địa ngục trải qua vô lượng năm, vì các tội nhân mà phân biệt giảng nói Mười hai bộ loại kinh văn. Những người có tội được nghe rồi thoát khỏi quả báo ác, làm cho địa ngục trống không, trừ hàng Nhất-xiển-đề. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải nơi đời hiện tại, đời tiếp theo và

đời sau thọ lấy nghiệp ác.

Lại nữa, này thiện nam! Trong Hiền kiếp này, có vô lượng chúng sinh đọa trong loài súc sinh chịu nghiệp báo ác. Ta thấy như vậy rồi lại vì muốn thuyết pháp cứu độ chúng sinh nên phát thệ nguyện hoặc làm thân nai, gấu, khỉ, rồng, rắn, kim sí điểu, bồ câu, cá, trạch, thỏ, voi, bò, ngựa. Này thiện nam! Đại Bồ-tát thật không có nghiệp ác súc sinh như vậy. Vì nguyện lực lớn cứu độ chúng sinh nên hiện thọ thân như vậy. Đây gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải thọ ác nghiệp đời hiện tại, đời kế tiếp và đời sau như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Trong Hiền kiếp này lại có vô lượng vô biên chúng sinh sinh vào trong loài ngựa quý, hoặc ăn đờm, dãi, mỡ, thịt, máu, mủ, nước tiểu, phân, nước mắt, nước mũi, thọ mạng vô lượng trăm ngàn vạn năm, chưa từng nghe đến tên nước hưởng nữa là mắt thấy và được uống. Cho dù thấy nước đằng xa trong lòng muốn đến để uống, nhưng khi đến gần thì nước biến thành lửa đỏ, máu mủ. Hoặc có lúc nước không biến nhưng có nhiều người cầm binh khí ngăn cản không cho đến uống. Hoặc có lúc trời mưa nước rơi đến thân họ thì liền biến thành lửa. Đó gọi là nghiệp báo ác. Thiện nam! Đại Bồ-tát thật không có những nghiệp báo ác như vậy, vì hóa độ chúng sinh làm cho họ được giải thoát nên phát nguyện thọ thân như vậy. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải thọ nghiệp ác ấy nơi đời hiện tại, đời kế tiếp, đời sau. Thiện nam! Ta ở trong Hiền kiếp này, từng sinh vào nhà hàng thịt, nuôi gà, nuôi heo, nuôi bò, nuôi dê, đi săn bắn, lưới bẫy chim, bắt cá, sinh trong nhà Chiên-đà-la, làm giặc trộm cướp. Bồ-tát thật không có những nghiệp ác như vậy, vì muốn độ chúng sinh khiến họ được giải thoát nên dùng nguyện lực lớn mà thọ những thân như vậy. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải thọ nghiệp báo ác ở đời hiện tại, đời kế tiếp và đời sau như vậy.

Này thiện nam! Trong Hiền kiếp này, Ta lại sinh vào chốn biên địa, làm nhiều việc tham dục, sân giận, ngu si, quen làm những điều phi pháp, không tin Tam bảo và quả báo đời sau, chẳng cung kính cha mẹ, bậc trưởng lão, tôn túc. Thiện nam! Bồ-tát lúc đó thật không có những nghiệp như vậy, vì muốn làm cho chúng sinh được giải thoát nên dùng nguyện lực lớn sinh vào nơi ấy. Đó gọi là Đại Bồ-tát

chẳng phải thọ nghiệp báo ác ở đời hiện tại, đời kế tiếp và đời sau như vậy.

Này thiện nam! Trong Hiền kiếp này Ta lại thọ làm thân nữ, thân ác, thân tham, thân sân, thân si, thân ganh ghét, thân bồn sển, thân huyễn hóa, thân đối trá, thân buộc ràng. Thiện nam! Bồ-tát lúc đó không có những nghiệp như vậy, nhưng vì muốn chúng sinh được giải thoát nên dùng nguyện lực lớn mà thọ sinh. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải thọ nghiệp báo ác ở đời hiện tại, đời kế tiếp và đời sau như vậy.

Này thiện nam! Ta ở nơi Hiền kiếp này thọ thân huỳnh môn, không căn, hai căn và căn bất định. Thiện nam! Đại Bồ-tát thật không có những thân ác như vậy. Vì muốn chúng sinh được giải thoát nên dùng nguyện lực lớn mà thọ sinh. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải thọ nghiệp báo ác ở đời hiện tại, đời kế tiếp và đời sau như vậy.

Này thiện nam! Ta ở trong Hiền kiếp lại học tập giáo pháp của ngoại đạo Ni-kiền-tử, tin thọ giáo pháp của họ, không bố thí, không thờ cúng, không có quả báo bố thí, thờ cúng, không nghiệp thiện ác, không quả báo thiện ác, không có đời hiện tại và đời vị lai, không đây, không kia, không có Thánh nhân, không thân biến hóa, không đạo Niết-bàn.

Này thiện nam! Bồ-tát thật không có nghiệp ác như vậy, nhưng vì khiến chúng sinh được giải thoát nên dùng nguyện lớn lãnh thọ những pháp tà này. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải thọ nghiệp báo ác ở đời hiện tại, đời kế tiếp và đời sau như vậy.

Này thiện nam! Ta nhớ thuở xưa cùng Đề-bà-đạt-đa làm chủ đoàn buôn, mỗi người đều có năm trăm khách buôn, vì tài lợi nên vào trong biển lớn tìm châu báu. Vì nghiệp duyên ác nên giữa đường gặp gió lớn thổi làm cho thuyền bè hư nát, khách buôn đều chết hết. Lúc đó Ta cùng Đề-bà-đạt-đa nhờ quả báo không sát sinh nên được sống, nhờ gió thổi nên được đưa vào đất liền. Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa tham tiếc của cải châu báu nên sầu khổ than khóc. Ta bảo Đề-bà-đạt-đa chẳng nên than khóc. Đề-bà-đạt-đa liền nói với Ta: “Ví như

có người bạn cùng, khốn khổ đến bãi tha ma tay cầm tử thi mà nói: “Mong người bố thí cái vui của sự chết cho ta, ta sẽ bố thí đời sống nghèo khổ này cho người”. Khi ấy, tử thi liền ngồi dậy bảo với người nghèo cùng: “Thiện nam! Đời sống nghèo cùng người tự thọ lấy, nay ta rất thích cái vui của sự chết, thật không thích đời sống nghèo cùng như người”. Tôi nay đã không có cái vui của sự chết, lại còn nghèo cùng, làm sao mà chẳng khóc được”. Ta lại an ủi: “Ông chớ lo buồn, nay Tôi có hai viên ngọc vô giá sẽ chia cho ông một viên”. Ta liền chia ngọc cho Đề-bà-đạt-đa, lại nói với ông ta: “Còn mạng người có thể làm ra của báu này, như mạng sống không còn thì ai có thể làm sống lại được?” Lúc đó Ta mỗi một đến nằm nghỉ dưới một gốc cây. Đề-bà-đạt-đa tâm tham bùng phát, vì một viên ngọc, liền sinh tâm ác, đâm mù đôi mắt của Ta, đoạt lấy viên ngọc. Lúc đó, vì quá đau đớn nên Ta rên rỉ, có một cô gái đến chỗ Ta hỏi: “Thưa Nhân giả! Vì sao ông rên rỉ như vậy?” Ta liền kể lại việc trước. Cô gái nghe rồi lại hỏi Ta: “Tên của ông là gì?” Ta liền đáp: “Tôi tên là Thật Ngữ”. Cô gái nói: “Làm sao để biết ông là Thật Ngữ?” Ta liền phát thệ nguyện: “Nếu nay Tôi có tâm ác đối với Đề-bà-đạt-đa thì mắt tôi mãi mãi bị mù, còn nếu như không có tâm ấy thì đôi mắt sẽ được sáng lại như trước”. Vừa nói xong thì đôi mắt Ta trở lại như cũ.

Này thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát nói về quả báo đời hiện tại.

Này thiện nam! Ta nhớ thuở xưa, sinh ra trong nhà Bà-la-môn, nơi thành Phú-đơn-na ở Nam Thiên Trúc. Thuở đó có vua tên là Ca-la-phú, tánh tình hung ác, kiêu mạn, tự đại, tuổi trẻ, tham đắm sắc đẹp, năm thứ dục. Lúc ấy, Ta vì độ chúng sinh nên ở ngoài thành yên lặng tham thiền. Bấy giờ vào mùa xuân, cỏ hoa tươi tốt, vua cùng với quyến thuộc và các thể nữ trong cung ra khỏi thành dạo chơi, ở dưới rừng cây vui hưởng năm dục. Các thể nữ bỏ vua, dạo chơi đến chỗ Ta. Lúc đó, Ta vì muốn diệt trừ tham dục cho họ nên thuyết pháp. Nhà vua đi tìm các thể nữ, thấy Ta liền sinh tâm ác hỏi: “Nay ông đã chứng quả A-la-hán chưa?” Ta nói: “Chưa chứng”. Vua lại hỏi: “Đã được quả Bất hoàn chưa?” Ta đáp: “Chưa được”. Vua lại bảo: “Nay ông chưa được hai quả ấy thì còn đầy đủ phiền não

tham dục, tại sao dám buông tâm nhìn ngó thể nữ của ta?” Ta liền đáp: “Đại vương nên biết! Nay tôi dầu chưa dứt được phiền não tham dục, nhưng trong tâm tôi thật không có tham đắm”. Vua nói: “Người ngu si kia! Ở đời có các vị tiên ăn quả uống hơi mà thấy sắc đẹp còn tham, huống là ông còn trai trẻ chưa đoạn dứt hết tham dục thì làm sao thấy sắc đẹp mà chẳng tham đắm?”. Ta đáp: “Tâu đại vương! Người thấy sắc đẹp không tham đắm thật chẳng phải do ăn quả uống hơi mà do buộc tâm nơi vô thường, bất tịnh”. Vua nói: “Nếu có tâm khinh khi người khác mà chê bai thì làm sao được gọi là tu trì tịnh giới?”. Ta nói: “Tâu đại vương! Nếu có tâm đố kỵ thì có chê bai, tôi không có tâm đố kỵ thì đâu có chê bai”. Nhà vua bảo: “Này Đại đức, thế nào gọi là giới?”. “Tâu đại vương! Nhẫn nhục gọi là giới”. Vua bảo: “Nếu nhẫn nhục gọi là giới thì ta sẽ cắt lỗ tai của ông, nếu ông có thể nhẫn chịu được thì biết là ông trì giới”. Vua liền cắt lỗ tai Ta. Ta dầu bị cắt tai nhưng nhan sắc không biến đổi. Khi ấy, các quần thần thấy việc như vậy rồi liền can ngăn vua: “Tâu đại vương! Bậc Đại sĩ như vậy chẳng nên làm hại”. Vua nói với các quan: “Các người làm sao biết là bậc Đại sĩ?”. Quần thần tâu: “Thấy khi bị chịu khổ mà nhan sắc không biến đổi”. Vua lại nói: “Ta sẽ thử xem để biết nhan sắc biến đổi hay không biến đổi”. Vua liền cắt mũi và tay chân của Ta. Bấy giờ, vì Bồ-tát đã trải qua vô lượng vô biên đời tu tập từ bị cứu khổ cho chúng sinh nên không khổ cũng không oán giận. Lúc đó, Tứ thiên vương nổi giận liền làm mưa cát, sỏi, đá. Vua thấy vậy rất sợ hãi liền đến quỳ trước Ta mà thưa: “Ngưỡng mong thương xót cho tôi sám hối”. Ta nói: “Này đại vương! Tâm tôi không sân giận cũng không tham đắm”. Vua nói: “Thưa Đại đức! Làm thế nào để biết được tâm của Ngài không sân hận?”. Ta liền phát thệ nguyện: “Nếu tôi thật lòng không có tâm sân hận thì khiến cho thân của tôi bình phục lại như cũ”. Phát nguyện vừa xong, thân thể của Ta liền bình phục. Đó gọi là Đại Bồ-tát nói quả báo đời hiện tại.

Này thiện nam! Quả báo đời kế và quả báo đời sau của nghiệp thiện và nghiệp bất thiện cũng như vậy. Đại Bồ-tát khi đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả các nghiệp đều được quả báo hiện tại. Nghiệp ác chẳng lành bị quả báo hiện tại như vua làm ác bị

trời mưa xuống cát, đá. Cũng như người chỉ chỗ ở của gấu và nai có sắc quý báu cho thợ săn thì tay người ấy bị rụng. Đó gọi là nghiệp ác thọ lấy quả báo trong đời hiện tại. Đời kế chịu quả báo là như hạng Nhất-xiển-đề, phạm bốn giới trọng và năm tội nghịch. Đời sau thọ quả báo là như người trì giới phát nguyện lớn: Nguyện đời vị lai thường được giới thân thanh tịnh như vậy. Nếu có chúng sinh lúc mạng sống trăm năm, tám chục năm thì ở trong thời kỳ đó sẽ làm Chuyển luân Thánh vương giáo hóa chúng sinh. Nay thiện nam! Nếu là nghiệp quyết định thọ quả báo trong đời hiện tại thì không thể thọ quả báo trong đời kế và đời sau. Đại Bồ-tát tu nghiệp ba hai tướng của bậc Đại Nhân thì không thể thọ quả báo trong đời hiện tại. Nếu là nghiệp chẳng thọ lấy ba thứ quả báo như vậy thì gọi là nghiệp bất định. Nay thiện nam! Nếu cho là những nghiệp quyết định có quả báo thì không có sự tu tập phạm hạnh, giải thoát Niết-bàn. Nên biết người nói lời này chẳng phải là đệ tử Ta mà là quyến thuộc của ma. Nếu nói rằng các nghiệp đều có nghiệp định và nghiệp bất định. Nghiệp định có quả báo đời hiện tại, quả báo đời kế tiếp và quả báo đời sau và nghiệp bất định lúc duyên hợp liền chịu quả báo, chẳng hội hợp thì không chịu quả báo, do nghĩa này nên có tu tập phạm hạnh, giải thoát Niết-bàn, thì nên biết người nói lời này thật là đệ tử của Ta, chẳng phải là quyến thuộc của ma.

Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh nghiệp bất định thì nhiều, nghiệp quyết định thì ít. Do nghĩa này nên có sự tu tập đạo hạnh. Nhờ tu tập đạo hạnh nên nghiệp định nặng có thể làm cho thọ quả báo nhẹ, những nghiệp bất định chẳng thọ quả báo đời kế tiếp.

Nay thiện nam! Có hai hạng người: Một là người tạo nghiệp bất định thành quả báo quyết định, quả báo đời hiện tại tạo thành quả báo đời kế tiếp, quả báo nhẹ thành quả báo nặng, đáng lẽ thọ báo trong loài người lại thọ báo trong địa ngục. Hai là loại người tạo nghiệp quyết định tạo thành quả báo bất định, đáng lẽ thọ báo trong đời kế tiếp lại thọ báo trong đời hiện tại, quả báo nặng thành quả báo nhẹ, đáng lẽ thọ báo trong địa ngục làm cho thọ quả báo nhẹ trong loài người. Hai hạng người như vậy: Một là kẻ ngu si. Hai là người trí. Người trí làm cho nhẹ, kẻ ngu khiến cho nặng. Nay thiện

nam! Ví như hai người có tội với nhà vua, người có quyền thuộc đông đảo thì tội sẽ nhẹ, người có quyền thuộc ít thì tội sẽ nặng. Người trí, kẻ ngu cũng như vậy. Người trí nhờ nhiều nghiệp thiện nên quả báo nặng thành nhẹ. Người ngu si vì nghiệp thiện ít nên quả báo nhẹ thành nặng. Nay thiện nam! Ví như có hai người: một người thì mập khỏe, một người thì gầy yếu, cả hai đều bị té xuống bùn sâu. Người mập khỏe thì có thể lên được. Người gầy yếu thì bị lún sâu. Thiện nam! Ví như hai người đều uống thuốc độc, một người có năng lực thần chú và thuốc A-dà-đà, một người thì không. Người có thần chú và thuốc thì chất độc không thể làm hại. Người không có thần chú và thuốc thì chất độc hại chết. Nay thiện nam! Ví như hai người đều uống nhiều nước: một người nhiệt lực mạnh, một người thì suy yếu. Người nhiệt lực mạnh có thể tiêu hóa. Người nhiệt lực suy yếu bị nước ấy làm cho bệnh hoạn. Nay thiện nam! Ví như hai người bị nhà vua bắt trói: một người có trí tuệ, một người ngu si. Người có trí có thể được thoát khỏi. Người ngu si không có cơ hội để thoát khỏi. Nay thiện nam! Ví như hai người đều đi qua con đường nguy hiểm. Một người mắt sáng, một người bị mù. Người mắt sáng đi thẳng qua không bị hại. Người bị mù té xuống hố sâu nguy hiểm. Nay thiện nam! Ví như hai người cùng uống rượu, một người có thể uống được nhiều, một người chỉ uống được chút ít. Người uống được nhiều thì khi uống rượu vào không bị hại. Người uống được ít khi uống rượu vào liền thành bệnh. Nay thiện nam! Ví như hai người cùng ra trận đánh giặc, một người trang bị đầy đủ áo giáp vũ khí, một người thì mình trần tay không. Người có võ trang thì có thể phá được kẻ thù, người tay không chắc chắn sẽ bị hại. Lại có hai người bị phần dơ vấy vào y phục. Một người biết liền giặt sạch, một người biết mà không chịu giặt. Người giặt liền thì y phục được sạch sẽ, người không giặt thì dơ bẩn càng tăng thêm. Lại có hai người cùng đi xe. Một xe có trục, có cãm, một xe không trục, không cãm. Người ngồi xe có trục có cãm tùy ý mà đi. Người ngồi xe không trục, không cãm thì không đi đâu được. Lại có hai người cùng đi trên đường hoang vắng, một người có mang theo hành trang, một người thì không mang theo. Người có hành trang thì qua khỏi được con đường hiểm, người không



có thì không thể vượt qua được. Lại có hai người bị kẻ cướp, một người có kho báu, một người thì không có kho báu. Người có kho báu tâm không lo buồn. Người không có kho báu thì lòng sầu não. Người trí kẻ ngu cũng như vậy, người có kho báu lành thì nghiệp nặng mà thọ báo nhẹ. Người không có kho báu lành thì nghiệp nhẹ phải thọ báo nặng.

Bồ-tát Sư Tử Hồng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy thì chẳng phải tất cả nghiệp đều thọ quả nhất định, cũng chẳng phải tất cả chúng sinh quyết định thọ báo. Bạch Thế Tôn! Chúng sinh làm thế nào khiến quả báo nhẹ trong đời hiện tại thành quả báo nặng ở địa ngục, quả báo nặng ở địa ngục trở thành quả báo nhẹ trong đời hiện tại?

Phật bảo:

–Tất cả chúng sinh có hai hạng: Một là có trí, hai là ngu si. Nếu người có khả năng tu tập thân, giới, tâm, tuệ thì gọi là người trí, nếu không thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ thì gọi là người ngu. Thế nào gọi là không thể tu tập thân? Nếu không thể nhiếp phục năm tình, các căn gọi là không tu thân; không thể thọ trì bảy thứ tịnh giới gọi là chẳng tu giới; vì không điều phục tâm nên gọi là không tu tâm; chẳng tu tập Thánh hạnh thì gọi là không tu tuệ. Lại nữa, người không tu thân thì không thể đầy đủ giới thể thanh tịnh. Người không tu giới thì thọ nhận cát chứa tám thứ vật bất tịnh. Người không tu tâm thì không thể tu tập ba thứ tướng. Người không tu tuệ thì chẳng tu tập phạm hạnh.

Lại nữa, người không tu thân thì chẳng thể quán thân, chẳng thể quán sắc và quán tướng của sắc, chẳng quán tướng của thân, chẳng biết sở hữu của thân, chẳng biết thân này từ đây đến kia, đối với cái chẳng phải thân mà sinh tướng thân, đối với cái chẳng phải sắc mà tướng là tướng sắc, cho nên tham đắm thân và sở hữu của thân. Đó gọi là chẳng tu thân.

Người không tu giới là, nếu thọ giới bậc thấp thì chẳng gọi là tu giới. Thọ trì biện giới, giới tự lợi, giới tự điều phục, không thể làm cho khắp chúng sinh được an lạc, chẳng phải vì hộ trì chánh pháp vô

thượng mà vì muốn sinh lên cõi trời hưởng thọ năm thứ dục lạc, đó gọi là chẳng tu giới.

Người không tu tâm là, nếu tâm tán loạn thì không thể chuyên nhất nơi tự cảnh giới. Tự cảnh giới chính là bốn niệm xứ. Cảnh giới khác là năm dục. Nếu không thể tu tập bốn niệm xứ thì gọi là chẳng tu tâm. Ở trong nghiệp ác không khéo gìn giữ tâm gọi là chẳng tu tuệ.

Lại nữa, người không tu thân thì không thể quán sát thấu đáo thân này là vô thường, vô trụ, mong manh, niệm niệm hoại diệt, là cảnh giới của ma. Người không tu giới thì chẳng thể đầy đủ Giới Ba-la-mật. Người không tu tâm thì không thể đầy đủ Thiền Ba-la-mật. Người không tu tuệ thì không thể đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, người không tu thân thì tham đắm thân và sở hữu của thân. Cho rằng thân ta thường hằng không có thể biến đổi. Người không tu giới vì thân mình mà thọ mười nghiệp ác. Người không tu tâm, đối với nghiệp ác không thể nhiếp tâm. Người không tu tuệ do vì không nhiếp tâm nên không thể phân biệt được các pháp thiện, ác. Lại nữa, người không tu thân thì không đoạn được ngã kiến. Người không tu giới thì không đoạn được giới thủ. Người không tu tâm thì tạo nghiệp tham sân dẫn đến địa ngục. Người không tu tuệ thì không đoạn được tâm si.

Lại nữa, người không tu thân thì không thể quán thân, dầu không lỗi lầm nhưng nó luôn là kẻ giặc. Đây thiện nam! Ví như người có kẻ thù thường theo dõi rình tìm sơ hở, người trí biết rồi giữ gìn tâm cẩn thận, nếu không giữ gìn tâm cẩn thận, thì người ấy sẽ bị hại, thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, thường phải nhờ thức ăn, nước uống, đồ ấm, lạnh điều hòa để nuôi dưỡng, nếu không khéo giữ gìn cẩn thận như vậy sẽ bị tan hoại. Đây thiện nam! Như Bà-la-môn tôn thờ thần lửa, thường dùng hương hoa, tán thán, lễ bái, cúng dường phụng sự suốt cả cuộc đời, nếu lúc chạm đến liền bị cháy tay. Lửa này dầu được cúng dường như vậy, nhưng hoàn toàn không một niệm báo ân cho người phụng sự. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, dầu trong nhiều năm dùng hương hoa, chuỗi ngọc, y phục,

thức ăn, đồ nằm, thuốc men để cung dưỡng nó, nhưng nếu gặp những duyên xấu bên trong bên ngoài liền hoại diệt, hoàn toàn chẳng nhớ nghĩ đến ân cung cấp cơm áo ngày trước.

Này thiện nam! Ví như có nhà vua nuôi bốn con rắn độc trong một cái ruộng, giao phó cho một người nuôi nắng, săn sóc. Trong bốn con rắn này, nếu một con nổi giận thì có thể hại chết người. Người nuôi rắn này lo sợ, luôn tìm thức ăn uống tùy lúc chăm sóc gìn giữ. Rắn độc bốn đại của tất cả chúng sinh cũng như vậy, nếu một đại nổi giận thì có thể làm cho thân bị hoại diệt. Thiện nam! Như người bệnh lâu ngày phải nên hết lòng tìm thầy thuốc chữa trị, nếu không kịp thời điều trị chắc chắn sẽ chết. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, thường phải nhiếp tâm để không cho buông lung, nếu buông lung liền bị hoại diệt. Này thiện nam! Ví như bình đất chưa nung thì không chịu được gió, mưa, va chạm dằn dè. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, chẳng chịu được đói khát, lạnh nóng, gió mưa, đánh, trói, mắng nhiếc.

Này thiện nam! Như mụn nhọt chưa muối phải khéo giữ gìn không để cho người chạm đến, nếu để chạm vào thì rất đau đớn. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy. Này thiện nam! Như con la mang thai thì tự hoại thân nó. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, bên trong có gió lạnh thì thân phải bị hại. Này thiện nam! Như cây chuối trở buồng rồi thì khô chết, thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy. Này thiện nam! Cũng như cây chuối không có lõi cứng, thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy. Như rắn, chuột, chó sói mỗi loài đều sinh tâm ghét hại nhau, bốn đại của chúng sinh cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như ngỗng chúa không thích bãi tha ma, Bồ-tát cũng như vậy, đối với bãi tha ma thân thể chẳng ưa thích. Này thiện nam! Như Chiên-đà-la bảy đời nối tiếp nhau, không bỏ nghiệp của mình nên bị người đời khinh chê, chủng tử của thân này cũng như vậy. Chủng tử tinh huyết hoàn toàn bất tịnh, do bất tịnh nên chư Phật, Bồ-tát xem nhẹ, khinh khi. Này thiện nam! Thân này chẳng phải như núi Ma-la-da mọc cây chiên-đàn, cũng không thể sinh hoa ma-lợi-ca, hoa bà-sư-ca mà chín lỗ của nó thường chảy ra máu mủ bất tịnh, là chỗ sinh ra hôi hám, dơ bẩn, xấu xa đáng nhờm gớm,

thường cùng với các loài vi trùng ở chung một chỗ. Thiện nam! Ví như thế gian dầu có vườn rừng xinh đẹp thanh tịnh, nhưng đem tử thi vào trong đó liền trở thành bất tịnh, mọi người đều lìa bỏ chẳng ưa thích tham đắm. Cõi Sắc cũng như vậy, tuy thanh tịnh đẹp đẽ nhưng vì có thân nên chừa Phật, Bồ-tát đều lìa bỏ.

Này thiện nam! Nếu có người không thể quán sát như vậy thì gọi là không tu thân, không tu giới. Này thiện nam! Nếu không thể quán sát giới là thêm thang của tất cả các pháp thiện, cũng là cội gốc của tất cả các pháp thiện, như đất là gốc sinh tất cả cây cối, là đứng đầu của các căn lành, như người chủ buôn dẫn dắt đoàn người buôn, giới là ngọn cờ chiến thắng của tất cả các pháp thiện như cờ chiến thắng mà trời Đế Thích dựng, giới có thể đoạn trừ hoàn toàn tất cả nghiệp ác và ba đường ác, có thể trị lành những bệnh dữ giống như cây thuốc, giới là hành trang trên con đường hiểm sinh tử, giới là vũ khí đánh dẹp giặc phiền não, giới là thần chú diệt rắn độc phiền não, giới là chiếc cầu để qua khỏi nghiệp ác. Nếu người nào không thể quán sát như vậy thì gọi là không tu giới. Không tu tâm là, không thể quán sự lăn xả chuyển động, khó nắm bắt, khó điều phục của tâm. Nó giống ruồi, lung tung như voi dữ, niệm niệm mau chóng như ánh chớp, nhảy nhót chẳng dừng như khói, vượn, như huyễn, như ánh lửa, chính là cội gốc của tất cả điều ác. Năm thứ dục khó thỏa mãn như lửa gặp củi, cũng như biển cả dung nạp các dòng sông, như núi Mạn-đà cỏ cây rậm rạp chẳng thể quán sát, sinh tử hư vọng, say đắm mê lầm đến nỗi như cá nuốt câu. Nó thường đi trước dẫn đầu, các nghiệp đi theo như con ốc mẹ dẫn theo đàn con. Tham đắm năm dục chẳng thích Niết-bàn, như con lạc đà ăn mật cho đến chết, không thèm nhìn đến cỏ non, quá tham đắm cái vui hiện tại mà không thấy lỗi lầm về sau. Như bò tham ăn lúa mạ chẳng sợ roi gậy, giống ruồi khắp cả hai mươi lăm cõi. Như gió mạnh thổi bông đầu-la, chỗ chẳng đáng cầu mà cầu không biết nhàm chán, như người vô trí mong lửa không nóng, thường thích sinh tử, không ưa giải thoát. Như trùng Nhâm-bà thích cây Nhâm-bà, mê lầm tham đắm sinh tử hôi hám, như kẻ ngục tù thích gái ngục tốt, cũng như heo trong chuồng thích chỗ bất tịnh. Nếu có người không thể quán sát như vậy thì gọi là

chẳng tu tâm. Người không tu tuệ là chẳng quán sát trí tuệ có thể lực lớn như kim sí điểu, có thể hoại nghiệp ác, hoại vô minh tối tăm như ánh sáng mặt trời, có thể nhổ cây năm ấm như nước cuốn trôi vật, đốt cháy tà kiến, như lửa bùng cháy. Tuệ là cội gốc của tất cả các pháp thiện, là chủng tử của Phật và Bồ-tát. Nếu không thể quán sát như vậy, thì chẳng gọi là tu tuệ. Nay thiện nam! Trong đệ nhất nghĩa, nếu thấy thân, tướng của thân, nhân của thân, quả của thân, nhiều thân, một thân, hai thân, thân này, thân kia, sự diệt của thân, bình đẳng của thân, sự tu hành của thân, người tu, nếu có thấy như vậy thì gọi là chẳng tu thân. Nay thiện nam! Nếu thấy giới, tướng của giới, nhân của giới, quả của giới, giới bậc thượng, giới bậc hạ, nhiều giới, một giới, hai giới, giới này, giới kia, sự diệt của giới, sự bình đẳng của giới, tu giới, người tu, sự giải thoát của giới, nếu thấy như vậy, gọi là chẳng tu giới. Nếu thấy tâm, tướng của tâm, nhân của tâm, quả của tâm, nhiều tâm, tâm và tâm sở, một tâm, hai tâm, tâm này, tâm kia, sự diệt của tâm, sự bình đẳng của tâm, sự tu của tâm, người tu, tâm thượng trung hạ, tâm thiện, tâm ác, nếu thấy như vậy thì gọi là không tu tâm.

Nay thiện nam! Nếu thấy tuệ, tướng của tuệ, nhân của tuệ, quả của tuệ, nhiều tuệ, một tuệ, hai tuệ, tuệ này, tuệ kia, sự diệt của tuệ, sự bình đẳng của tuệ, tuệ thượng trung hạ, tuệ độn, tuệ lợi, sự tu tuệ, người tu, nếu thấy như vậy thì gọi là chẳng tu tuệ.

Nay thiện nam! Nếu có người không tu thân, giới, tâm, tuệ, thì những người như vậy đối với nghiệp ác nhỏ cũng bị quả báo lớn. Do vì sợ hãi nên thường nghĩ: “Ta thuộc về địa ngục, làm hạnh địa ngục”. Tuy nghe người trí nói về sự khổ của địa ngục nhưng thường nghĩ: “Như sắt đập sắt, đá trở lại đập đá, gỗ tự đánh gỗ, như vi trùng lửa thích lửa, thân địa ngục trở lại giống thân như địa ngục, nếu giống như thân địa ngục thì có những khổ gì?”. Ví như con lặn xanh bị dính nơi nước miếng chẳng thể bay được, người này cũng vậy, ở trong tội nhỏ cũng không thể thoát khỏi, tâm không hối cải không thể tu pháp thiện, che giấu tội lỗi, dẫu có tất cả nghiệp thiện ở quá khứ nhưng cũng đều bị tội này cấu nhiễm. Người này đáng lẽ trong đời hiện tại có quả báo nhẹ nhưng lại chuyển thành quả báo rất nặng

ở nơi địa ngục.

Này thiện nam! Như chậu nước nhỏ bỏ vào một đấu muối, nước ấy bị mặn khó có thể uống được, tội nghiệp của người này cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như có người mắc nợ người khác một tiền mà chẳng trả được nên thân bị trói buộc chịu nhiều sự khổ, tội nghiệp của người này cũng vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người này vì sao làm cho quả báo nhẹ trong đời hiện tại trở thành quả báo nơi địa ngục?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Tất cả chúng sinh nếu đủ năm việc thì làm cho quả báo nhẹ ở hiện tại trở thành chịu quả báo nơi địa ngục. Những gì là năm việc? Một là ngu si, hai là căn lành kém ít, ba là nghiệp ác sâu nặng, bốn là không sám hối, năm là không tu nghiệp thiện. Lại có năm việc: Một là tạo nghiệp ác, hai là không có giới đức, ba là xa lìa các căn lành, bốn là không tu thân, giới, tâm, tuệ, năm là gần gũi bạn ác. Này thiện nam! Do những việc này, nên khiến cho quả báo nhẹ ở đời hiện tại trở thành quả báo nặng nơi địa ngục.

Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những người nào có thể chuyển quả báo địa ngục thành quả báo nhẹ trong đời hiện tại.

–Này thiện nam! Nếu có người tu tập thân, giới, tâm, tuệ như đã nói ở trước, có thể quán thấy các pháp đồng với hư không, chẳng thấy trí tuệ, chẳng thấy người trí, chẳng thấy ngu si, chẳng thấy người ngu si, không thấy có tu tập và người tu tập thì đó gọi là người trí. Người như vậy có thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ. Người này có thể khiến cho quả báo địa ngục thành quả báo nhẹ trong đời hiện tại. Người này tuy gây tạo nghiệp ác rất nặng nhưng nhờ tư duy quán xét có thể làm thành nhẹ. Người này nghĩ: “Nghiệp của ta tuy nặng không bằng nghiệp thiện, ví như bông vải tuy nặng trăm cân chẳng thể sánh bằng một lượng vàng ròng, như đem một đấu muối bỏ xuống sông Hằng, nước vẫn không có vị mặn nên người uống không

biết, như người giàu có lớn dù mắc nợ người ngàn vạn vật báu nhưng cũng không bị ràng buộc làm cho ông chịu khổ, như voi lớn có thể bứt dây xích sắt mà đi tự tại, người trí tuệ cũng như vậy, thường suy nghĩ rằng công đức lành của ta nhiều, nghiệp ác yếu kém, ta có thể phát lộ sám hối trừ hết tội nghiệp ác, có thể tu tập trí tuệ khiến cho thế lực trí tuệ nhiều, thế lực vô minh ít”. Người ấy nghĩ như vậy rồi, gần gũi bạn lành, tu tập chánh kiến, thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói Mười hai bộ loại kinh văn, thấy có người nào thọ trì, đọc tụng, biên chép, thuyết giảng Mười hai bộ loại kinh văn ấy thì sinh tâm cung kính và đem những y phục, thức ăn, phòng nhà, giường niệm, thuốc men, hương hoa mà cúng dường, tôn trọng, tán thán, đi đến chỗ nào cũng thường khen ngợi việc lành của vị ấy, chẳng bàn đến sự yếu kém, cúng dường Tam bảo, kính tin kinh Đại Niết-bàn Đại thừa, Như Lai thường hằng không có biến đổi, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Người như vậy có thể làm cho quả báo nặng ở địa ngục trở thành quả báo nhẹ ở hiện tại.

Này thiện nam! Do nghĩa này, nên biết chẳng phải tất cả nghiệp đều có quả báo cố định cũng chẳng phải tất cả chúng sinh đều thọ quả báo cố định.

